

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2021/HS-ST
Ngày: 04 - 10 - 2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hồng Liên

Ông Dương Đức Bản

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký TAND thành phố Đồng Hới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 10 năm 2021, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 49/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2021/QĐXXST-HS ngày 25/8/2021 và Thông báo về việc Hoãn phiên tòa số: 25/2021/TB-TA ngày 09/9/2021 đối với:

Bị cáo: Nguyễn Đức T; sinh ngày 30/4/1996 tại Quảng B; nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 13, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Đức B, sinh năm 1960; con bà: Phan Thị Như T, sinh năm 1967; hiện ông, bà sinh sống tại Tổ dân phố 13 phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Gia đình có 03 anh chị em ruột, T là con thứ 2 trong gia đình; vợ: Nguyễn Khánh L, sinh năm 1998; nghề nghiệp: Nội trợ; có 01 con Nguyễn Ngọc T, sinh năm 2019. Quá trình bản thân: Sinh ra và lớn lên được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12 sau đó sinh sống tại địa phương học nghề lái xe ô tô và lái xe ô tô thuê tự do, năm 2018 kết hôn và sống tại địa phương. Ngày 13/4/2021 bị phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Quảng Bình phát hiện tạm giữ và khởi tố về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch Dân sự. Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam từ ngày 13/4/2021 đến ngày 03/6/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Tùng L; sinh ngày 28/8/1992; địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường Đ, TP Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.
2. Chị Võ Thị Thu H; sinh ngày 15/9/1987; địa chỉ: Số 06 M, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.
3. Anh Trương Thái B; sinh ngày 20/01/1989; địa chỉ: Tổ dân phố 13, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.
4. Anh Hoàng Mạnh H; sinh ngày 30/5/1996; địa chỉ: Số 23 T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.
5. Anh Trần Nhật M; sinh ngày 02/5/1997; Địa chỉ: Số 39 T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.
6. Anh Nguyễn Lương L; Sinh ngày 21/02/1990; địa chỉ: Tổ dân phố 09, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.
7. Chị Nguyễn Thị Mai T; Sinh ngày 22/4/1992; Địa chỉ: Tổ dân phố 13, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.
8. Chị Nguyễn Thị H; Sinh ngày 24/10/1996; địa chỉ: Đường L, Tổ dân phố 05, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.
9. Anh Phan Thanh L; Sinh ngày 09/9/1996; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Khánh L; Sinh ngày 04/7/1998; Địa chỉ: Tổ dân phố 13, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.
2. Chị Phan Thị Như T; Sinh ngày 07/01/1967; Địa chỉ: Tổ dân phố 13, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 12/ 2018, đến tháng 4/2021 Nguyễn Đức T tổ chức cho vay tiền với lãi suất cao, hình thức cho vay tín chấp. T tìm hiểu những người quen biết sinh sống tại thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình có địa chỉ cư trú cụ thể, có khả năng thanh toán để thực hiện việc cho vay. Khi người vay đề nghị vay tiền, T đưa ra thủ tục đơn giản, chỉ cần người vay có chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu hoặc giấy phép lái xe để T kiểm tra

hoặc giữ lại, sau đó T đưa cho người vay mẫu “giấy mượn tiền” mà T chuẩn bị sẵn để họ ghi thông tin cá nhân, món tiền vay hoặc yêu cầu họ trực tiếp viết “giấy mượn tiền” rồi đưa T cất giữ.

Nguyễn Đức T giao nhận tiền gốc, tiền lãi với người vay trực tiếp hoặc qua chuyển khoản Ngân hàng. T sử dụng điện thoại di động để liên lạc, thỏa thuận việc cho vay, thu tiền lãi. Các gói vay có số tiền vay từ 10.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng. Tiền lãi được T thu từ người vay 10 ngày một lần, thường lấy trước từ 10 ngày đến 30 ngày, tiền lãi được tính từ 4.500 đồng đến 6.000đồng/1.000.000đồng/1ngày, tương đương với mức lãi suất từ 164%/năm đến 219%/năm, cao gấp 8,2 lần đến 10,95 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Quá trình điều tra xác định Nguyễn Đức T đã cho 09 người vay tiền, với 28 gói vay, tổng số tiền cho vay là 830.000.000 đồng, tiền lãi T đã thu từ các người vay là 214.680.000 đồng, trong đó tiền lãi được thu theo quy định của Bộ luật dân sự (theo mức lãi suất 20%/năm) là 21.687.671 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 192.992.329 đồng. Cụ thể như sau:

1. Anh Nguyễn Tùng L, sinh năm 1992, trú tại tổ dân phố 1, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình vay tiền của Nguyễn Đức T 04 gói với lãi suất mỗi gói 6.000đồng/1.000.000đồng/1 ngày, tương đương mức lãi suất là: 6.000đồng/1.000.000 đồng x 100 x 365 ngày = 219%/năm, gấp 10,95 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, cụ thể:

- Lần 1: Tháng 11/2019, anh L vay T số tiền 10.000.000 đồng, thời gian vay 30 ngày, tiền lãi T đã thu là 1.800.000 đồng, tiền lãi T được hưởng theo quy định là: 10.000.000 đồng x 20%/365 ngày x 30 ngày = 164.384 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là: 1.800.000 đồng - 164.384 đồng = 1.635.616 đồng.

- Lần 2: Tháng 12/2019, anh L vay T số tiền 10.000.000 đồng, thời gian vay 20 ngày, tiền lãi T đã thu là 1.200.000 đồng, tiền lãi T được hưởng theo quy định là 109.589 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.090.411 đồng.

- Lần 3: Tháng 01/2020, anh L vay T số tiền 10.000.000 đồng, thời gian vay 20 ngày, tiền lãi T đã thu là 1.200.000 đồng, tiền lãi T được hưởng theo quy định là 109.589 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.090.411 đồng.

- Lần 4: Tháng 02/2020, anh L vay Trung số tiền 10.000.000 đồng, thời gian vay 10 ngày, tiền lãi Trung đã thu là 600.000 đồng, tiền lãi Trung được hưởng theo quy định là 54.795 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 545.205 đồng

Tổng cộng, anh Nguyễn Tùng L vay Nguyễn Đức T 04 gói vay, tổng số tiền vay là 40.000.000 đồng, T đã thu đủ tiền gốc, tổng tiền lãi T đã thu là 4.800.000 đồng, tổng tiền lãi T được hưởng theo quy định là 438.356 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 4.361.644 đồng.

2. Chị Võ Thị Thu H, sinh năm 1987, trú tại số 06, M, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình vay tiền của Nguyễn Đức T 05 gói với lãi suất mỗi gói 5.000đồng/1.000.000đồng/1 ngày, tương đương mức lãi suất 183%/năm, gấp 9,15 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, riêng gói thứ 2 lãi tính 4.500đồng/1.000.000đồng/1 ngày, tương đương mức lãi suất 164%/năm, gấp 8,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 15/11/2019, chị H vay T số tiền 50.000.000 đồng, thời gian vay 60 ngày, tiền lãi T đã thu là 15.000.000 đồng, tiền lãi T được hưởng theo quy định là 1.643.836 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 13.356.164 đồng.

- Lần 2: Tháng 02/2020, chị H vay T số tiền 50.000.000đ, thời gian vay 60 ngày, tiền lãi T đã thu là 13.500.000 đồng, tiền lãi T được hưởng theo quy định là 1.643.836 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 11.856.164 đồng.

- Lần 3: Tháng 3/2020, chị H vay T số tiền 80.000.000 đồng, thời gian vay 20 ngày, tiền lãi T đã thu là 8.000.000 đồng, tiền lãi T được hưởng theo quy định là 876.712 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 7.123.288 đồng.

- Lần 4: Tháng 4/2020, chị H vay T số tiền 50.000.000 đồng, thời gian vay 90 ngày, tiền lãi T đã thu là 22.500.000 đồng, tiền lãi T được hưởng theo quy định là 2.465.753 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 20.034.247 đồng.

- Lần 5: Ngày 15/01/2021, chị H vay T số tiền 50.000.000 đồng, thời gian vay 30 ngày, tiền lãi T đã thu là 7.500.000 đồng, tiền lãi T được hưởng theo quy định là 821.918 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 6.678.082 đồng.

Tổng cộng, chị Võ Thị Thu H vay Nguyễn Đức T 05 gói vay, tổng số tiền vay là 280.000.000 đồng, T đã thu đủ tiền gốc, tổng tiền lãi T đã thu là 66.500.000 đồng, tổng tiền lãi T được hưởng theo quy định là 7.452.055 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 59.047.945 đồng.

3. Anh Trương Thái B, sinh năm 1989, trú tại tổ dân phố 13, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình vay tiền của Nguyễn Đức T 04 gói với lãi suất mỗi gói 5.000đồng/1.000.000đồng/1 ngày, tương đương mức lãi suất 183%/năm, gấp 9,15 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, cụ thể:

- Lần 1: Tháng 7/2019, anh B vay T số tiền 20.000.000 đồng, thời gian vay 90 ngày, tiền lãi T đã thu là 9.000.000 đồng, tiền lãi T được hưởng theo quy định là 986.301đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 8.013.699 đồng. Anh B chưa trả tiền gốc món vay này cho T mà tiếp tục vay thêm thành gói vay thứ 2.

- Lần 2: Từ gói vay thứ nhất, đến tháng 10/2019, anh B vay T thêm số

tiền 10.000.000 đồng, thành gói vay 30.000.000 đồng, thời gian vay 140 ngày, tiền lãi T đã thu là 21.000.000 đồng, tiền lãi T được hưởng theo quy định là 2.301.370 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 18.698.630 đồng.

- Lần 3: Tháng 8/2020, anh B vay T số tiền 10.000.000 đồng, thời gian vay 30 ngày, tiền lãi T đã thu là 1.500.000 đồng, tiền lãi T được hưởng theo quy định là 164.384 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.335.616 đồng.

- Lần 4: Ngày 14/11/2020, anh B vay T số tiền 20.000.000 đồng, thời gian vay 40 ngày, tiền lãi T đã thu là 4.000.000 đồng, tiền lãi T được hưởng theo quy định là 438.356 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 3.561.644 đồng.

Tổng cộng, anh Trương Thái B vay Nguyễn Đức T 04 gói vay, tổng số tiền vay là 80.000.000 đồng, T đã thu đủ tiền gốc, tổng tiền lãi T đã thu là 35.500.000 đồng, tổng tiền lãi T được hưởng theo quy định là 3.890.411 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 31.609.589 đồng.

4. Anh Hoàng Mạnh H, sinh năm 1996, trú tại tổ dân phố 5, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình vay tiền của Nguyễn Đức T 04 gói với lãi suất mỗi gói 6.000đồng/1.000.000đồng/1 ngày, tương đương mức lãi suất 219%/năm, gấp 10,95 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, cụ thể:

- Lần 1: Tháng 12/2018, anh H vay T số tiền 30.000.000 đồng, thời gian vay 70 ngày, tiền lãi T đã thu là 12.600.000 đồng, tiền lãi T được hưởng theo quy định là 1.150.685 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 11.449.315 đồng.

- Lần 2: Ngày 02/3/2019, anh H vay T số tiền 20.000.000 đồng, thời gian vay 40 ngày, tiền lãi T đã thu là 4.800.000 đồng, tiền lãi T được hưởng theo quy định là 438.356 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 4.361.644 đồng.

- Lần 3: Ngày 20/3/2019, anh H vay T số tiền 20.000.000 đồng, thời gian vay 30 ngày, tiền lãi T đã thu là 3.600.000 đồng, tiền lãi T được hưởng theo quy định là 328.767 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 3.271.233 đồng.

- Lần 4: Ngày 15/4/2020, anh H vay T số tiền 40.000.000 đồng, tiền lãi T đã thu là 7.200.000 đồng, tiền lãi T được hưởng theo quy định là 657.534 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 6.542.466 đồng.

Tổng cộng, anh Hoàng Mạnh H vay Nguyễn Đức T 04 gói vay, tổng số tiền vay là 110.000.000 đồng, T đã thu đủ tiền gốc, tổng tiền lãi T đã thu là 28.200.000 đồng, tổng tiền lãi T được hưởng theo quy định là 2.575.342 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 25.624.658 đồng.

5. Anh Nguyễn Lương L, sinh năm 1990, trú tại tổ dân phố 9, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vào tháng 02/2021 đã vay của Nguyễn Đức T 01 gói vay với số tiền 20.000.000 đồng, lãi tính 5.000đồng/1.000.000đồng/1 ngày, tương

đương mức lãi suất 183%/năm, gấp 9,15 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thời gian vay 30 ngày, T đã thu đủ tiền gốc, tiền lãi T đã thu là 3.000.000 đồng, tiền lãi T được hưởng theo quy định là 328.767 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 2.671.233 đồng.

6. Anh Trần Nhật M, sinh năm 1997, trú tại số nhà 39, đường T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình vay tiền của Nguyễn Đức T 02 gói với lãi suất mỗi gói 6.000đồng/1.000.000đồng/1 ngày, tương đương mức lãi suất 219%/năm, gấp 10,95 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, cụ thể:

Lần 1: Ngày 04/02/2021, anh M vay T số tiền 10.000.000đ, thời gian vay 30 ngày, tiền lãi T đã thu là 1.800.000 đồng, tiền lãi T được hưởng theo quy định là 164.384 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.635.616 đồng.

Lần 2: Ngày 25/02/2021, anh Minh vay Trung số tiền 20.000.000 đồng, thời gian vay 20 ngày, tiền lãi T đã thu là 2.400.000 đồng, tiền lãi T được hưởng theo quy định là 219.178 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 2.180.822 đồng.

Tổng cộng, anh Trần Nhật M vay Nguyễn Đức T 02 gói vay, tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng, T đã thu đủ tiền gốc, tổng tiền lãi T đã thu là 4.200.000 đồng, tổng tiền lãi T được hưởng theo quy định là 383.562 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 3.816.438 đồng.

7. Chị Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 1992, trú tại tổ dân phố 13, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vào ngày 29/3/2021 đã vay tiền của Nguyễn Đức T 01 gói vay với số tiền 20.000.000 đồng, lãi tính 6.000 đồng/1.000.000đồng/1 ngày, tương đương mức lãi suất 219%/năm, gấp 10,95 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thời gian vay 30 ngày, T đã thu đủ tiền gốc, tiền lãi T đã thu là 3.600.000 đồng, tiền lãi T được hưởng theo quy định là 328.767 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 3.271.233 đồng.

8. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1996, trú tại phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình vay tiền của Nguyễn Đức T 03 gói với lãi suất mỗi gói 6.000đồng/1.000.000đồng/1 ngày, tương đương mức lãi suất 219%/năm, gấp 10,95 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, cụ thể:

Lần 1: Ngày 09/7/2020, chị H vay T số tiền 20.000.000đ, thời gian vay 60 ngày, tiền lãi T đã thu là 7.200.000 đồng, tiền lãi T được hưởng theo quy định là 657.534 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 6.542.466 đồng.

Lần 2: Ngày 09/02/2021, chị H vay T số tiền 20.000.000 đồng, thời gian vay 70 ngày, tiền lãi T đã thu là 8.400.000 đồng, tiền lãi T được hưởng theo quy định là 767.123 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 7.632.877 đồng.

Lần 3: Ngày 28/02/2021, chị H vay T số tiền 30.000.000 đồng, thời gian

vay 50 ngày, tiền lãi T đã thu là 9.000.000đ, tiền lãi T được hưởng theo quy định là 821.918 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 8.178.082 đồng.

Tổng cộng, chị Nguyễn Thị H vay Nguyễn Đức T 03 gói vay, tổng số tiền vay là 70.000.000 đồng, T đã thu đủ tiền gốc, tổng tiền lãi T đã thu là 24.600.000 đồng, tổng tiền lãi T được hưởng theo quy định là 2.246.575 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 22.353.425 đồng.

9. Anh Phan Thanh L, sinh năm 1996, trú tại thôn Đ, xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình vay tiền của Nguyễn Đức T 04 gói với lãi suất mỗi gói 6.000đồng/1.000.000đồng/1 ngày, tương đương mức lãi suất 219%/năm, gấp 10,95 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, cụ thể:

Lần 1: Ngày 23/9/2019, anh L vay T số tiền 40.000.000 đồng, thời gian vay 37 ngày, tiền lãi T đã thu là 8.880.000 đồng, tiền lãi T được hưởng theo quy định là 810.959 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 8.069.041 đồng. Anh L chưa trả tiền gốc món vay này cho T mà tiếp tục vay thêm số tiền 10.000.000 đồng thành gói vay thứ 2.

Lần 2: Từ gói vay thứ nhất, đến ngày 30/10/2019, anh L vay T thêm số tiền 10.000.000 đồng thành gói vay 50.000.000 đồng, thời gian vay 30 ngày, tiền lãi T đã thu là 9.000.000 đồng, tiền lãi T được hưởng theo quy định là 821.918 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 8.178.082 đồng. Đến ngày 30/11/2019, anh L đã trả bớt tiền vay gốc số tiền 10.000.000 đồng và tiếp tục vay thành gói vay thứ 3.

Lần 3: Từ gói vay thứ hai, đến ngày 30/11/2019, anh L tiếp tục vay lại số tiền 40.000.000 đồng, thời gian vay 85 ngày, tiền lãi T đã thu là 20.400.000 đồng, tiền lãi T được hưởng theo quy định là 1.863.014 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 18.536.986 đồng. Đến ngày 25/02/2020, anh L chưa trả tiền gốc món vay này cho T mà vay thêm số tiền 10.000.000 đồng thành gói vay thứ 4.

Lần 4: Từ gói vay thứ ba, ngày 25/02/2020, anh L vay thêm số tiền 10.000.000 đồng, thành gói vay 50.000.000 đồng, lãi tính 6.000đồng/1.000.000đ/1 ngày. Anh L trả lãi trong 20 ngày, tiền lãi T đã thu là 6.000.000 đồng, tiền lãi T được hưởng theo quy định trong 20 ngày là 547.945 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 5.452.055 đồng. Sau 20 ngày thì anh L không trả tiền lãi cho T nữa. Đến ngày 26/5/2020, anh L và T thỏa thuận chốt lại tiền gốc vay và tiền lãi là 68.000.000 đồng thể hiện tại “giấy mượn tiền”, trong đó 50.000.000 đồng là tiền gốc vay, 18.000.000 đồng là tiền lãi. Sau đó anh L chỉ trả cho T 55.000.000 đồng, trong đó 50.000.000 đồng là tiền vay gốc 5.000.000 đồng là tiền lãi, từ đó đến ngày bị phát hiện, T không thu tiền lãi từ anh L nữa. Tuy nhiên, do không biết chính xác được số ngày vay của món vay này nên không xác định được số tiền T thu lợi bất chính trong số tiền lãi 5.000.000 đồng này.

Tổng cộng, anh Phan Thanh L vay Nguyễn Đức T 04 gói vay, tổng số tiền vay là 180.000.000 đồng, T đã thu đủ tiền gốc, tổng tiền lãi T đã thu là 44.280.000 đồng,

tổng tiền lãi T được hưởng theo quy định là 4.043.836 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 40.236.164 đồng.

Về vật chứng của vụ án:

Cơ quan điều tra đã tạm giữ số vật chứng sau: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen; đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong tại thời điểm nhận, điện thoại hết pin không biết được số Imeni của điện thoại. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/8/2021 tại chi cục thi hành án Dân sự thành phố Đồng Hới.

- Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 20.000.000 đồng của Nguyễn Đức T tự nguyện giao nộp; theo Ủy nhiệm chi được lập ngày 24/8/2021 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình.

Tại bản cáo trạng số: 22/VKS-P3, ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố Nguyễn Đức T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới giữ quyền công tố đã phát biểu lời luận tội: Đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự 2015 có xem xét các tình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo khi áp dụng hình phạt là Quá trình điều tra, xác định T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có công đóng góp giúp đồng bào miền trung trong đợt lũ năm 2020 có xác nhận của ủy ban nhân dân xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, các tình tiết giảm nhẹ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 - 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đức T cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Về trách nhiệm dân sự:

Khoản tiền gốc cho vay là 830.000.000 đồng xác định công cụ phương tiện phạm tội, và khoản vay với mức lãi suất 20% tuy không xác định trách nhiệm hình sự nhưng đây khoản tiền phát sinh từ tội phạm, do đó buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải nộp lại để tích thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về số tiền T thu lãi trên 20% là 192.992.329 đồng của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan buộc bị cáo T phải trả lại cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan số tiền 192.992.329 đồng lãi vượt qua mức quy định do phạm tội mà có. Cụ thể:

1. Anh Nguyễn Tùng L số tiền là 4.361.644 đồng.
2. Chị Võ Thị Thu H số tiền là 59.047.945 đồng.
3. Anh Trương Thái B số tiền là 31.609.589 đồng.
4. Anh Hoàng Mạnh H số tiền là 25.624.658 đồng.
5. Anh Trần Nhật M số tiền là 3.816.438 đồng.
6. Anh Nguyễn Lương L số tiền là 2.671.233 đồng.
7. Chị Nguyễn Thị Mai T số tiền là 3.271.233 đồng.
8. Chị Nguyễn Thị H số tiền là 22.353.425 đồng.
9. Anh Phan Thanh L số tiền là 40.236.164 đồng.

* Về vật chứng vụ án:

Đề nghị Tòa áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tích thu sung quỹ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen; đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong tại thời điểm nhận, điện thoại hết pin không biết được số Imeni của điện thoại. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/8/2021 tại chi cục thi hành án Dân sự thành phố Đồng Hới.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 20.000.000 đồng của Nguyễn Đức T tự nguyện giao nộp; theo Ủy nhiệm chi được lập ngày 24/8/2021 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình để đảm bảo thi hành án.

* Về án phí:

Đề nghị Tòa áp dụng án phí hình sự, án phí dân sự theo Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội theo đúng quy định.

Quá trình xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử

xem xét cho bị cáo mức án nhẹ nhất để có điều kiện vừa cải tạo vừa lao động chăm lo cuộc sống cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân tỉnh Quảng Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức T khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng. Lời khai tại phiên tòa, phù hợp lời khai của bị cáo, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định:

Từ tháng 12/2018 đến tháng 4/2021, Nguyễn Đức T cho vay lãi nặng 09 người vay tiền là Anh Nguyễn Tùng L, chị Võ Thị Thu H, anh Trương Thái B, anh Hoàng Mạnh H, anh Trần Nhật M, anh Nguyễn Lương L, chị Nguyễn Thị Mai T, chị Nguyễn Thị H, anh Phan Thanh L vay tiền với 28 gói vay, tổng số tiền cho vay là 830.000.000 đồng với mức lãi suất từ 164%/năm đến 219%/năm, gấp 8,2 lần đến 10,95 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự (20/năm) Nguyễn Đức T đã thu lợi bất chính là với số tiền là 192.992.329 đồng.

Vì vậy, Nguyễn Đức T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức T là đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa

chung. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo T đã “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có công đóng góp giúp đồng bào miền trung trong đợt lũ năm 2020 có xác nhận của ủy ban nhân dân xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, các tình tiết giảm nhẹ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới đề nghị áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên tòa bị cáo T thật thà khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có công đóng góp giúp đồng bào miền trung trong đợt lũ năm 2020 có xác nhận của ủy ban nhân dân xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, các tình tiết giảm nhẹ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xét bị cáo chưa có tiền án tiền sự, nhân thân tốt, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên HĐXX áp dụng căn Điều 65 Bộ luật hình sự để cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng là thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[5] Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự:

Tổng số tiền gốc T cho vay là 830.000.000 đồng, hiện nay T đã thu tiền lãi suất của 09 người trên với số tiền là 214.680.000 đồng, trong đó tiền lãi được thu theo quy định của Bộ luật Dân sự (theo mức lãi suất 20%/năm) là 21.687.671 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 192.992.329 đồng.

Đối với khoản tiền gốc cho vay là 830.000.000 đồng xác định công cụ phương tiện phạm tội, và khoản vay với mức lãi suất 20% là 21.687.671 đồng tuy không xác định trách nhiệm hình sự nhưng đây khoản tiền phát sinh từ tội phạm, do đó buộc T nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

- Về số tiền lãi T thu là 192.992.329 đồng tương ứng mức lãi suất trên 20% là tiền lãi vượt quá mức quy định mà người phạm tội thu lợi bất chính của người vay, khoản tiền này người vay không sử dụng vào mục đích bất hợp pháp nên được trả lại cho người vay. Vì vậy buộc T phải trả lại cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan với tổng số tiền là 192.992.329 đồng. Cụ thể:

1. Anh Nguyễn Tùng L số tiền là 4.361.644 đồng.
2. Chị Võ Thị Thu H số tiền là 59.047.945 đồng.
3. Anh Trương Thái B số tiền là 31.609.589 đồng.
4. Anh Hoàng Mạnh H số tiền là 25.624.658 đồng.
5. Anh Trần Nhật M số tiền là 3.816.438 đồng.

6. Anh Nguyễn Lương L số tiền là 2.671.233 đồng.
7. Chị Nguyễn Thị Mai T số tiền là 3.271.233 đồng.
8. Chị Nguyễn Thị H số tiền là 22.353.425 đồng.
9. Anh Phan Thanh L số tiền là 40.236.164 đồng.

Ngoài ra, quá trình điều tra, Nguyễn Đức T khai nhận cho chị Ngô Thị Mai S, sinh năm 1992, trú tại tổ dân phố 2, phường Đ, thành phố Đ vay tiền nhưng chị Sương đã bỏ trốn, chưa trả tiền gốc. T không xác định được tiền lãi S đã trả. Khám xét chỗ ở của Nguyễn Đức T phát hiện, thu giữ 03 “giấy mượn tiền” có tên người vay là Ngô Thị Mai S, số tiền vay là 40.000.000 đồng, 60.000.000 đồng và 100.000.000 đồng. Hiện S không có mặt tại địa phương nên không đủ căn cứ để làm rõ các món vay này. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ, nếu có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra xác định có Hoàng Trung Đ, sinh năm 1991, trú tại tổ dân phố 2, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình có vay tiền của Nguyễn Đức T 02 lần, số tiền vay 10.000.000 đồng và 50.000.000 đồng, tuy nhiên vì có quan hệ quen biết nên Trung chỉ tính lãi 1.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương mức lãi suất 36,5%/1 năm, gấp 1,825 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự, nên các lần vay này không cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Bà Phan Thị Như T, sinh năm 1967, là mẹ đẻ của Nguyễn Đức T được Trung nhờ đưa số tiền vay 50.000.000 đồng cho người vay là chị Võ Thị Thu H, tuy nhiên bà T không biết việc T cho vay lãi nặng, không biết lãi suất, tiền thu lợi bất chính T đã nhận cũng như không hưởng lợi gì; chị Nguyễn Thị Khánh L, sinh năm 1998, là vợ của Nguyễn Đức T, cho T mượn, sử dụng tài khoản Ngân hàng của mình số 21610000512118, mở tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, để chuyển, nhận tiền vay, tiền lãi, L biết việc T cho vay nhưng không biết lãi suất, tiền thu lợi bất chính cũng như không hưởng lợi gì, nên không có căn cứ truy tố.

[6] Về xử lý vật chứng:

Xác định 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen T dùng để liên lạc trong việc cho vay lãi nặng. Vì vậy cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong tại thời điểm nhận, điện thoại hết pin không biết được số Imeni của điện thoại. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/8/2021 tại chi cục thi hành án Dân sự thành phố Đồng Hới.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 20.000.000 đồng của Nguyễn Đức T tự nguyện giao nộp; theo Ủy nhiệm chi được lập ngày 24/8/2021 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình để đảm bảo thi hành án.

[7] Bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm theo định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ và án phí dân sự sơ thẩm là $192.992.329 \text{ đồng} \times 5\% = 9.650.000 \text{ đồng}$ để sung quỹ Nhà nước.

[8] Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (04/10/2021).

Giao bị cáo Nguyễn Đức T cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Buộc Nguyễn Đức T phải nộp lại số tiền gốc 830.000.000 đồng và số tiền lãi là 21.687.671 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc Nguyễn Đức T phải trả lại cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tổng số tiền 192.992.329 đồng là số tiền lãi vượt quá mức quy định của Bộ luật Dân sự do phạm tội mà có. Cụ thể như sau:

1. Anh Nguyễn Tùng L số tiền là 4.361.644 đồng.
2. Chị Võ Thị Thu H số tiền là 59.047.945 đồng.
3. Anh Trương Thái B số tiền là 31.609.589 đồng.
4. Anh Hoàng Mạnh H số tiền là 25.624.658 đồng.
5. Anh Trần Nhật M số tiền là 3.816.438 đồng.
6. Anh Nguyễn Lương L số tiền là 2.671.233 đồng.
7. Chị Nguyễn Thị Mai T số tiền là 3.271.233 đồng.
8. Chị Nguyễn Thị H số tiền là 22.353.425 đồng.
9. Anh Phan Thanh L số tiền là 40.236.164 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen; đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong tại thời điểm nhận, điện thoại hết pin không biết được số Imeni của điện thoại. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/8/2021 tại chi cục thi hành án Dân sự thành phố Đồng Hới.

- Tiếp tục tạm giữ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 20.000.000 đồng của Nguyễn Đức T tự nguyện giao nộp; theo Ủy nhiệm chi được lập ngày 24/8/2021 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình để đảm bảo thi hành án.

5. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm với số tiền là 200.000 đồng và án phí Dân sự sơ thẩm số tiền là 9.650.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Trong trường hợp bản án thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hạn trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình.
- VKSND thành phố Đồng Hới.
- VKSND tỉnh Quảng Bình.
- Công an thành phố Đồng Hới.
- THA dân sự thành phố Đồng Hới.
- THA phạt tù.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu HS,
- Lưu án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Lệ